

LIÊN KẾT SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ VÀ KẾT NỐI TIÊU THỤ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Danh Nam*, Uông Thị Ngọc Lan **

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và kết nối tiêu thụ trong bối cảnh hiện nay, những kết quả đạt được, hạn chế bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Từ kết quả phân tích, đánh giá tình hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và kết nối tiêu thụ, nghiên cứu đã tìm ra 4 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và kết nối tiêu thụ nông sản gồm: hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và kết nối tiêu thụ; nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và kết nối tiêu thụ; thị trường tiêu thụ; và thông tin tuyên truyền.

Từ khóa: Liên kết, chuỗi giá trị, kết nối tiêu thụ, nông sản.

Abstract: This study aims to analyze the current situation of production linkages along value chain and consumption connection in the current context, the achieved results, the remaining limitations by using qualitative research methods. From the results of analysis and assessment of the situation of production linkages by value chain and consumption connection, the study found four solutions to improve the efficiency of production linkages along the value chain and the connection of agricultural product consumption, including: perfecting institutions and policies to link production along the value chain and connect consumption; upgrading infrastructure for production links along value chains and consumption connections; consumption market; propaganda information.

Keywords: Link, value chain, consumption connection, agricultural products.

1. Giới thiệu

Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp liên kết theo chuỗi giá trị và kết nối tiêu thụ đang trở thành hướng đi mới giúp người nông dân nâng cao giá trị sản phẩm một cách bền vững, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo vị thế và nâng cao sức cạnh tranh cho nông sản trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế cũng như phục hồi sau đại dịch Covid-19.

Ngày 05/07/2018, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về “Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp” (thay thế Quyết định 62/2013/QĐ-TTg). Ngoài ra, Bộ NN&PTNT đã tổ chức ký chương trình liên kết “bốn nhà” (Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân) trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đây là những dấu hiệu cho thấy Việt

* Trường Đại học Công nghệ Đông Á

** Học viên cao học Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nam ngày càng quan tâm hơn đến mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ nông sản gắn với chiến lược phát triển kinh tế quốc gia trong bối cảnh hội nhập với sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Chính phủ về đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững, các mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị và tiêu thụ đã hình thành và phát triển ở nhiều địa phương. Sản xuất nông nghiệp gắn với liên kết tác nhân theo chuỗi đã và đang đóng góp hiệu quả kinh tế cao, giúp người nông dân ổn định cuộc sống. Hiện nay, đã có 56 địa phương trên cả nước ban hành chính sách khuyến khích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và đã hình thành 4.028 hợp tác xã nông nghiệp tham gia liên kết với 1.867 doanh nghiệp trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp [3]. Qua đó, đưa ngành nông nghiệp Việt Nam đứng ở vị trí thứ 2 Đông Nam Á và thứ 15 trên toàn cầu về xuất khẩu nông sản với kim ngạch tăng vọt từ 4,2 tỷ USD năm 2004 lên 48,6 tỷ USD năm 2021, chiếm 14,45% tổng kim ngạch xuất khẩu quốc gia.

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định nhưng thực tế ngành nông nghiệp Việt Nam vẫn đang ở trình độ thấp và phát triển thiếu ổn định, thiếu đồng đều giữa các khu vực, vùng miền. Hơn nữa, cho đến nay, sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản còn tình trạng lỏng lẻo, hiệu quả thấp.

Xuất phát từ thực trạng trên, có thể

thấy sự liên kết càng trở nên quan trọng và cần thiết, đặc biệt là liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ gắn với xây dựng thương hiệu nông sản Việt. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng nhằm tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ nông sản trong bối cảnh hiện nay là rất cấp bách và có ý nghĩa thiết thực giúp hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, giảm thiểu rủi ro và tăng hiệu quả sản xuất cho hộ nông dân.

2. Cơ sở lý luận

Kaplinsky và Morris [4] định nghĩa “chuỗi giá trị đề cập đến một loạt những hoạt động cần thiết để đưa một sản phẩm hoặc một dịch vụ từ lúc còn là khái niệm, thông qua các giai đoạn sản xuất khác nhau đến phân phối tới người tiêu dùng cuối cùng và bố trí sau khi đã sử dụng”.

Xu hướng hiện nay đối với sản xuất nông nghiệp là theo chuỗi liên kết khép kín để đảm bảo chia sẻ trách nhiệm 5 lợi ích giữa các bên, tránh rủi ro, giúp truy xuất được nguồn gốc sản phẩm và cân đối cung cầu các sản phẩm nông nghiệp.

Về liên kết chéo, các nhà sản xuất và đơn vị kinh doanh (hợp tác xã và các nhóm hợp tác,...) sẽ liên kết để giúp đỡ lẫn nhau, làm cho hoạt động sản xuất và kinh doanh hiệu quả hơn và hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của kinh tế hộ gia đình. Trong mô hình này, các đơn vị kinh doanh chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ sản xuất, gồm đầu vào và đầu ra, cho các thành viên hợp tác xã (vật tư, phân bón, thức ăn chăn nuôi), đồng thời đóng vai trò là cầu nối giữa các thành viên hợp tác xã và các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Vai trò của doanh nghiệp trong mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ là rất quan trọng, có tính quyết định cho việc hình thành và phát triển các chuỗi liên kết trong sản xuất một cách bền vững. Doanh nghiệp đóng vai trò là nhà đầu tư, người tổ chức sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đảm bảo thị trường tiêu thụ trong liên kết dọc, người sản xuất được hỗ trợ một phần chi phí.

Trong mô hình liên kết ngang, người sản xuất và đơn vị kinh doanh (điển hình là các hợp tác xã, tổ hợp tác...) liên kết, hỗ trợ nhau sản xuất, kinh doanh hiệu quả. Trong đó, quan trọng nhất là thu hút các doanh nghiệp có khả năng thu mua, chế biến và đảm bảo đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp. Đây là các doanh nghiệp quyết định lượng cầu trong sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, các địa phương đã tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp cung cấp đầu vào, lựa chọn các doanh nghiệp có uy tín, chất lượng. Đồng thời, không thể thiếu vai trò của các hộ gia đình, các tổ nhóm, hợp tác xã sản xuất hữu cơ trong chuỗi liên kết này.

3. Thực trạng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ nông sản

Trong những năm qua, được sự hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình dự án, ngành nông nghiệp Việt Nam đã có bước chuyển biến rõ rệt, như: có tăng trưởng; giữ vững an ninh lương thực; chăn nuôi ổn định, đàn trâu, bò tiếp tục tăng; khai thác thủy sản tăng; ngư dân tăng cường đầu tư phương tiện đánh bắt thủy sản, đặc biệt là phương tiện đánh bắt xa bờ; triển khai thực hiện có kết quả chính

sách hỗ trợ ngư dân ra khơi bám biển, góp phần bảo vệ chủ quyền của tổ quốc; chương trình xây dựng nông thôn mới đã đi vào cuộc sống, được người dân nông thôn hưởng ứng tham gia thực hiện và trở thành phong trào thi đua sôi nổi trong nông thôn.

Đến nay đã hình thành nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ sản phẩm với sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã và người nông dân trong tất cả các ngành hàng nông, lâm, thủy sản, như mô hình chuỗi khép kín của Công ty TNHH Đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp VinEco đối với sản phẩm rau, chuỗi chăn nuôi khép kín từ cung cấp đầu vào (con giống, thức ăn chăn nuôi, thú y) đến chăn nuôi (hoặc đặt hàng gia công) và chế biến sản phẩm chăn nuôi, như CP, Japfa, Mavin, Dabaco. Đặc biệt là mô hình chuỗi giá trị lúa gạo bền vững hợp tác giữa Tập đoàn Lộc Trời với Tập đoàn Phoenix, tạo điều kiện cho chuỗi giá trị lúa gạo Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị lúa gạo quốc tế. Mô hình này liên kết và mang lại lợi ích cho khoảng 10.000 hộ sản xuất lúa Việt Nam, mở rộng diện tích canh tác lúa gạo bền vững lên trên 10.000 ha. Ngoài ra, một số chuỗi giá trị rau quả được sản xuất theo quy trình PGS (Participatory Guarantee System), là một hệ thống đảm bảo cùng tham gia của các hộ, liên hộ, nhóm liên hộ giám sát chéo nội bộ theo hệ thống và được chứng thực bởi các tác nhân tham gia chuỗi (người sản xuất, doanh nghiệp, người tiêu dùng, cán bộ quản lý nhà nước,...) đang được hình thành và phát triển tại Việt Nam.

Năm 2021, có 100 mô hình sản xuất rau theo PGS trên địa bàn Hà Nội, tương đương với 5.044 ha sản xuất rau an toàn, và hơn 50 ha sản xuất rau hữu cơ. Trên phạm vi cả nước, tính đến hết năm 2021, các tỉnh/thành đã xây dựng thành công 4.249 chuỗi thực phẩm an toàn, 4.450 sản phẩm và 10.181 địa điểm bán sản phẩm đã kiểm soát theo chuỗi.

Mặc dù nông nghiệp phát triển, nhưng thu nhập của người dân còn bấp bênh, chưa bền vững, đời sống còn nhiều khó khăn. Nguyên nhân chính là do sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thiếu ổn định và dễ bị tổn thương do thiên tai, dịch bệnh và biến động của thị trường; các hình thức liên kết trong sản xuất còn lỏng lẻo, thiếu tính ràng buộc; quy mô, phạm vi liên kết còn ở dạng mô hình. Vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến phát triển chưa ổn định, sản phẩm hàng hoá chưa nhiều, chủ yếu nhỏ lẻ, phân tán và tự phát, ảnh hưởng đến công tác quản lý chất lượng sản phẩm; giá thành các sản phẩm trong nông nghiệp còn cao, chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của người tiêu dùng. Ở nhiều nơi xuất hiện tình trạng doanh nghiệp không đầu tư, nhưng vẫn tranh mua, tranh bán với doanh nghiệp đã bỏ tiền đầu tư hoặc người dân vẫn cố tình phá vỡ hợp đồng dẫn đến doanh nghiệp thiếu nguyên liệu để sản xuất.

Nghị định số 98/2018/NĐ-CP là cơ sở pháp lý quan trọng trong liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Nông dân được doanh nghiệp ứng trước giống, phân bón, thuốc trừ sâu và ký kết hợp

đồng thu mua 100% sản phẩm đạt chuẩn chất lượng; được hỗ trợ kiến thức về kỹ thuật thâm canh, kiến thức về pháp luật trong triển khai hợp đồng, được hỗ trợ về kỹ thuật. Sản phẩm đạt chất lượng đảm bảo, giá bán ổn định, hiệu quả kinh tế gia tăng. Đối với doanh nghiệp chế biến, thực hiện mô hình này đã kiểm soát được chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, xuất xứ của nguyên liệu đưa vào chế biến. Các hộ kinh doanh trung gian sẽ nâng cao được trách nhiệm, uy tín và duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả. Ngoài hiệu quả kinh tế, còn mang lại hiệu quả về xã hội, tạo công ăn, việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo cho người dân nông thôn, tuy hiện nay chính sách này chưa được các địa phương trên cả nước cụ thể hóa để người nông dân được hưởng lợi.

4. Đánh giá tình hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ nông sản

4.1. Ưu điểm

- Có sự vào cuộc của các cấp, các ngành trong thực hiện đề án tái cơ cấu nông nghiệp, trong đó có sự liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ trong sản phẩm;

- Đa số nông dân đều hưởng ứng và chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, góp phần đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân.

4.2. Hạn chế

- Tìm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp của các địa phương còn gặp nhiều khó khăn;

- Chưa có chính sách cụ thể nhằm

liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị;

- Cơ chế, chính sách của Trung ương thiếu đột phá, chậm được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Việc tổ chức thực hiện chính sách chưa đồng bộ, thiếu nguồn lực tài chính, thiếu quyết liệt trong triển khai thực hiện.

4.3. Nguyên nhân của hạn chế trong liên kết sản xuất và tiêu thụ

- Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất còn hạn chế, đặc biệt là chưa đầu tư đúng mức cho hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng, giao thông phục vụ phát triển vùng nguyên liệu;

- Đầu tư của Nhà nước cho phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp còn quá thấp so với nhu cầu, trong khi nguồn lực trong dân còn hạn chế; vốn đầu tư trực tiếp cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và các chương trình, dự án mang tính chất hỗ trợ sản xuất và sinh lợi còn thấp;

- Quy mô sản xuất của hộ nông dân còn nhỏ; ruộng đất, chuồng trại và tư liệu sản xuất khác không nhiều, còn manh mún, gây khó khăn cho cơ giới hoá sản xuất; sản phẩm hàng hóa ít, khó giữ được vùng nguyên liệu ổn định khi giá cả thị trường biến động; ý thức sản xuất của người dân một số vùng còn mang tính sản xuất nhỏ và còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước;

- Ngoài các chính sách mới được ban hành cho phù hợp với yêu cầu của sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn, việc tổ chức thực hiện còn nhiều yếu kém. Nhìn chung, chủ trương chính sách ban hành nhiều, nhưng thực hiện chưa triệt để,

do thiếu nguồn lực tài chính, thiếu quyết liệt trong triển khai thực hiện, kiểm tra, đôn đốc. Trách nhiệm của các cấp uỷ và chính quyền các cấp còn hạn chế.

5. Giải pháp nâng cao hiệu quả liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ

5.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ

- Nghiên cứu xác định vị thế của ngành hàng nông, lâm, thủy sản trên thị trường toàn cầu nhằm cơ cấu lại thị trường cho ngành hàng, vùng sản xuất, chế biến, logistics,... để ưu tiên nguồn lực phát triển; rà soát quy hoạch và cơ cấu sản xuất phù hợp với lợi thế, thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Vượt lên hoạt động sản xuất để xây dựng chuỗi kết hợp với ẩm thực, văn hóa, du lịch nhằm tạo ra những cơ hội và động lực mới cho phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản;

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ nông nghiệp, tập trung vào các khâu giống, quy trình sản xuất, chế biến, quản lý chuỗi giá trị; có chính sách đặc biệt ưu đãi cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao, xanh, sạch, hữu cơ; xây dựng, hoàn thiện và áp dụng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật;

- Tăng cường kiểm soát quản lý vùng trồng, vùng nuôi và vùng khai thác, đẩy mạnh thực hiện đánh mã số vùng trồng; xây dựng hệ thống giám sát đánh giá vùng nuôi nhằm đảm bảo yêu cầu của thị trường, đặc biệt là các tiêu chuẩn ngày càng cao của các nước nhập khẩu;

- Thu hút đầu tư doanh nghiệp hình thành các cụm chế biến công nghệ cao, khép kín tại các vùng chuyên canh chính, có cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần để tăng hiệu quả kết nối sản xuất - thị trường;

- Phát triển hệ thống dịch vụ hậu cần ứng dụng công nghệ 4.0 phục vụ thương mại nông, lâm thủy sản chủ lực;

- Xây dựng và quản lý thương hiệu quốc gia cho từng sản phẩm nông nghiệp chủ lực;

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế và phát triển thị trường: tăng cường năng lực thông tin, dự báo, cảnh báo, đàm phán, xử lý tranh chấp, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, xúc tiến thương mại đối với thị trường trong và ngoài nước;

- Đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách: (i) cải thiện môi trường kinh doanh; (ii) giảm thuế đối với đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; (iii) phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp; (iv) ưu đãi tiếp cận đất, thúc đẩy tích tụ, tập trung ruộng đất nông nghiệp; (v) hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn,....;

- Đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại; phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị, thu hút đầu tư tư nhân, thúc đẩy các mô hình PPP, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, tổ chức lại các hiệp hội ngành hàng;

- Đổi mới quản lý nhà nước: kiện toàn hệ thống quản lý ngành dọc; phân cấp, tăng tính chủ động của địa phương; xã hội hóa dịch vụ công và các đơn vị sự nghiệp công lập.

5.2. Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ

- Chính quyền các địa phương cần ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và mạng lưới tiêu thụ nông sản; đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi nhằm khắc phục các khó khăn về cơ sở hạ tầng và nước tưới phục vụ cho vùng sản xuất nông nghiệp, nước dùng cho vật nuôi, nuôi trồng thủy sản;

- Xây dựng nhà sơ chế làm sạch, kho bảo quản, nhà máy chế biến, phương tiện vận chuyển nhằm sản xuất ra số lượng nông sản lớn, có chất lượng cao, đa dạng về chủng loại, đặc biệt là phải quan tâm đến vấn đề vệ sinh, an toàn thực phẩm;

- Ưu tiên đầu tư hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy, khu công nghiệp; xử lý tốt nguồn nước thải nhằm đảm bảo chất lượng của nông sản; Chính phủ cần quy định và phân rõ trách nhiệm của từng cơ sở sản xuất kinh doanh trong vấn đề xử lý nước thải; chính quyền địa phương tập trung xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch phục vụ tưới tiêu.

- Tăng cường cơ sở hạ tầng cho các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung: các vùng sản xuất chuyên canh cần được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống tưới tiêu, khu nhân giống, nhà xử lý sơ chế, bảo quản, đóng gói sản phẩm,...); đầu tư xây dựng hệ thống các nhà lưới, nhà vòm, nhà màng, hệ thống bơm tưới nước tự động, hệ thống kênh mương, đường giao thông đối với các vùng sản xuất nông nghiệp với mô hình hiện đại, chuyên nghiệp hóa, cần tập trung chuyên canh;

- Đầu tư cho hệ thống thủy lợi vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; xây dựng

đường nội đồng; xây dựng hệ thống nhà lưới, nhà vòm; xây dựng hệ thống ươm cây giống trong khay bầu; xây dựng hệ thống thu gom, sơ chế, giới thiệu sản phẩm; xây dựng hệ thống bể chứa vỏ bao bì, thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng.;

- Ngoài ra, chính quyền các địa phương cần quan tâm chú ý tới xây dựng hệ thống chợ, siêu thị, cửa hàng, đại lý, phương tiện vận chuyển,... phục vụ tiêu thụ nông sản với quy mô đủ lớn và hiện đại, thuận tiện cho người tiêu dùng; chính quyền địa phương có chính sách cho thuê đất để xây dựng các khu chợ, trung tâm thương mại, siêu thị,... phục vụ tiêu thụ nông sản.

5.3. Giải pháp về thị trường tiêu thụ

- Chính quyền địa phương cần xây dựng các kênh thông tin cho người dân về tình hình sản xuất, biến động giá các loại nông sản, nhu cầu các mặt hàng nông sản tại mọi thời điểm,... để giúp người dân thuận tiện trong việc sản xuất và mua bán, tránh được tình trạng bị ép giá;

- Các hộ sản xuất nông nghiệp cần liên kết với nhau để tạo sự thống nhất về giá cả và khối lượng tiêu thụ; các hộ nông dân nên chủ động tìm hiểu về thị trường, giá cả các loại nông sản, nhu cầu tiêu thụ trên cơ sở đó có thể điều chỉnh cơ cấu cây trồng và vật nuôi cho phù hợp;

- Chính quyền địa phương cần có giải pháp xúc tiến nhanh việc đăng ký nhãn mác, xây dựng thương hiệu nông, lâm, thủy sản cho các hộ nông dân, tạo niềm tin cho khách hàng, đảm bảo quyền lợi cho người nông dân;

- Chủ động hình thành các liên kết ổn định giữa các doanh nghiệp chế biến,

tiêu thụ nông, lâm, thủy sản với các hợp tác xã, với nông dân các vùng sản xuất tập trung; phát triển mạng lưới tiêu thụ qua siêu thị, đại lý, cửa hàng bán lẻ gắn chứng nhận nông sản với sử dụng thương hiệu nhà sản xuất;

- Thành lập các doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản, giúp nông dân có điều kiện trao đổi kinh nghiệm hợp tác với nhau trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm;

- Tổ chức quầy mua bán, giới thiệu sản phẩm nông, lâm, thủy sản tại chợ trung tâm các huyện, hệ thống siêu thị và từng bước mở rộng ra các chợ, các tuyến đường chính để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân;

- Quản lý tốt thị trường xuất nhập nông, lâm, thủy sản; hạn chế nhập lậu nông, lâm, thủy sản, đặc biệt là hàng hóa của Trung Quốc, gây ảnh hưởng lớn tới giá cả nông sản trong nước, ảnh hưởng tới sản xuất của người dân địa phương.

5.4. Giải pháp thông tin tuyên truyền

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến các tầng lớp nhân dân về lợi ích, trách nhiệm khi tham gia các hoạt động liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thông tin, tuyên truyền, phổ biến về cách thức, điều kiện để đăng ký chủ trì thực hiện dự án liên kết và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về hình thành và phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Vận động doanh nghiệp, nông dân

tham gia làm thành viên của các chuỗi liên kết theo từng khâu (từ cung ứng vật tư đầu vào đến sản xuất, thu mua, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ theo các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật) nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng, an toàn và có tính cạnh tranh cao.

6. Kết luận

Đẩy mạnh thực hiện mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ là giải pháp then chốt nhất trong quá trình phát triển nông nghiệp bền vững. Chỉ khi nào

toàn bộ chuỗi giá trị được vận hành một cách nhịp nhàng nhất thì quá trình nâng cấp từng khâu trong chuỗi giá trị mới đạt hiệu quả cao nhất. Nghiên cứu này đã tìm ra 4 giải pháp nâng cao hiệu quả liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và kết nối tiêu thụ, gồm: (i) hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và kết nối tiêu thụ; (ii) nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và kết nối tiêu thụ; (iii) thị trường tiêu thụ; và (iv) thông tin, tuyên truyền./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2018). Báo cáo điều tra, đánh giá thực trạng liên kết chuỗi chăn nuôi lợn và gia cầm trong các loại hình trang trại/hợp tác xã/tổ hợp tác chăn nuôi.
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2018). Rà soát, điều chỉnh quy hoạch nông nghiệp cả nước đến năm 2020, định hướng 2030.
3. Hải Lâm và Phúc Sơn (2021). Liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản. Báo nhân dân. Truy cập từ <https://nhandan.vn/chuyen-lam-an/lien-ket-san-xuat-gan-voi-tieu-thu-nong-san->
4. Kaplinsky R., Morris M. (2001). Handbook for value chain research.
5. Nghị định 98/2018/NĐ-CP về “Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp”.
6. Nguyễn Quang Dũng và Trần Thị Loan (2018). Báo cáo rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.
7. Tổng cục Thống kê (2020). Tổng điều tra nông thôn nông nghiệp giữa kỳ 2020.

Nhận ngày: 26/9/2022

Biên tập ngày: 28/9/2022